

Số: **26** /2012/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày **14** tháng **11** năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003; Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật Đầu tư ngày 29/11/2005; Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005; Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009; Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008; Luật Quản lý nợ công ngày 17/6/2009; Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Thông tư số 84/2011/TT-BTC ngày 16/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ; Thông tư số 32/2011/TT-BKNCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao;

Thực hiện văn bản số 184/TTHĐ-CTHĐ ngày 13/11/2012 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công thương;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Công báo Ninh Bình;
- Website tỉnh;
- Lưu VT, VP4, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

vv.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /2012/QĐ-UBND ngày 14 /11/2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu du lịch, lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp và các dự án thuộc danh mục kêu gọi đầu tư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc dự án quy định tại Điều 1 của quy định này và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

2. Ngoài được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Quy định này, Nhà đầu tư còn được hưởng chế độ ưu đãi và hỗ trợ đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Chương II CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ

Điều 3. Ưu đãi về đất đai

1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư

a) Các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp được ngân sách tỉnh ứng trước 30% chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với mức tối đa không quá 50 tỷ đồng cho một dự án.

b) Các dự án đầu tư thuộc danh mục kêu gọi đầu tư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, trong các khu du lịch được ngân sách tỉnh ứng trước 50% chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá tổng số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án mà nhà đầu tư phải nộp và theo các mức sau:

Stt	Tổng mức đầu tư	Mức ứng trước tối đa cho một dự án
1	Dưới 50 tỷ đồng	3 tỷ đồng
2	Từ 50 tỷ đồng đến dưới 150 tỷ đồng	5 tỷ đồng
3	Từ 150 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng	7 tỷ đồng
4	Từ 500 tỷ đồng trở lên	10 tỷ đồng

c) Chủ đầu tư các dự án chỉ được ứng trước khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này khi đã thực hiện chi trả đạt ít nhất 50% giá trị theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt.

d) Phần chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn lại (nếu có) do chủ đầu tư tự ứng trước để chi trả và được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án khi đi vào hoạt động, nhưng số tiền được trừ cộng với tiền được ngân sách nhà nước ứng trước không quá tổng số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án mà nhà đầu tư phải nộp.

2. Đơn giá thuê đất

a) Đơn giá thuê đất đối với các dự án đầu tư vào địa bàn các huyện Nho Quan, Kim Sơn, Gia Viễn, Yên Mô, thị xã Tam Điệp, các khu công nghiệp; sản xuất sản phẩm công nghệ cao; các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được tính tỷ lệ tiền thuê đất ở mức thấp nhất là 0,75% nhân với (x) giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và được ổn định 05 năm.

b) Đối với các dự án đầu tư khác được tính tỷ lệ tiền thuê đất ở mức thấp nhất là 1,5% nhân với (x) giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và được ổn định 05 năm.

c) Trường hợp đặc biệt Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

3. Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất

Stt	Phân loại dự án đầu tư	Tiền thuê đất	Tiền sử dụng đất
1	Dự án lĩnh vực chế biến, bảo quản sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản; xây dựng khu du lịch sinh thái		
	- Thuộc địa bàn các huyện Nho Quan, Kim Sơn, Gia Viễn, Yên Mô, thị xã Tam Điệp	Miễn 15 năm	Giảm 70%
	- Thuộc vùng nông thôn trên địa bàn thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh, huyện Hoa Lư	Miễn 11 năm	Giảm 50%
2	Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư vào các khu công nghiệp hoặc tại địa bàn các huyện Nho Quan, Kim Sơn, Gia Viễn, Yên Mô và thị xã Tam Điệp	Miễn 15 năm	Giảm 50%
3	- Dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào các khu công nghiệp hoặc tại địa bàn các huyện Nho Quan, Kim Sơn, Gia Viễn, Yên Mô và thị xã Tam Điệp - Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh, huyện Hoa Lư	Miễn 11 năm	Giảm 30%
4	Dự án đầu tư vào các khu công nghiệp hoặc trên địa bàn các huyện Nho Quan, Kim Sơn, Gia Viễn, Yên Mô và thị xã Tam Điệp	Miễn 07 năm	Giảm 20%
5	Dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh, huyện Hoa Lư	Miễn 03 năm	Giảm 20%

Điều 4. Ưu đãi về hạ tầng kỹ thuật

1. Khu công nghiệp

a) Các công trình ngoài hàng rào khu công nghiệp

- Đường giao thông được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.
- Hệ thống điện, cấp nước, thông tin liên lạc nhà nước chỉ đạo doanh nghiệp chuyên ngành xây dựng đến hàng rào công trình để bán trực tiếp cho các nhà đầu tư.

b) Các công trình trong hàng rào khu công nghiệp: Công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp sau khi triển khai xây dựng xong công trình xử lý nước thải, chủ đầu tư được tỉnh hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư đối với công trình xử lý nước thải cho mỗi khu công nghiệp, nhưng tối đa không quá 10 tỷ đồng.

2. Các dự án đầu tư thuộc danh mục kêu gọi đầu tư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi đi vào hoạt động được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng hệ thống đường giao thông đến hàng rào dự án, nhưng tối đa không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp cho nhà nước trong năm đầu tiên (không tính thời gian được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp nếu có).

Điều 5. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Stt	Đối tượng	Chế độ ưu đãi		
		Thuế suất	Miễn	Giảm
1	Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn huyện Nho Quan, Kim Sơn, Gia Viễn, Yên Mô, thị xã Tam Điệp.	20% trong thời gian 10 năm	Miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế	Giảm thuế 50% trong 04 năm tiếp theo
2	Các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, Nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước.	10% trong thời gian 15 năm	Miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế	Giảm thuế 50% số thuế phải nộp 09 năm tiếp theo

Điều 6. Ưu đãi về vốn tín dụng

Các dự án đầu tư thuộc danh mục kêu gọi đầu tư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, đầu tư vào khu công nghiệp được ưu tiên xem xét vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Ninh Bình hoặc cấp giấy phép ưu đãi đầu tư để hỗ trợ lãi xuất đầu tư theo kế hoạch hàng năm của tỉnh. Miễn phí dịch vụ tư vấn vay vốn và tư vấn xây dựng dự án, phí cung cấp thông tin phòng ngừa rủi ro khi nhà đầu tư vay vốn tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Ninh Bình.

Điều 7. Hỗ trợ thủ tục hành chính

1. Trung tâm tư vấn đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan trực tiếp tư vấn, hỗ trợ cung cấp dịch vụ giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư thực hiện các dự án ngoài khu công nghiệp về: Cấp đăng ký kinh doanh, giao đất, cho thuê đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận đầu tư; giấy phép thành lập văn phòng đại diện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, cấp giấy phép xây dựng công trình; giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và số lao động cho người Việt Nam làm việc tại Ninh Bình; Chứng chỉ hàng hóa; báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh là cơ quan đầu mối giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào các khu công nghiệp về: Cấp đăng ký kinh doanh; giao đất, cho thuê đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận đầu tư; giấy phép thành lập văn phòng đại diện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; cấp giấy phép xây dựng công trình; giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và sổ lao động cho người Việt nam làm việc tại Ninh Bình; chứng chỉ hàng hóa; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 8. Hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ về đào tạo, thông tin quảng cáo, đổi mới khoa học công nghệ

Stt	Hình thức hỗ trợ	Mức hỗ trợ
1	Đào tạo	Tối đa không quá 3 triệu đồng/người/khoá đào tạo, có hợp đồng với đơn vị đào tạo, có hợp đồng lao động từ 2 năm trở lên, có đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo luật định
2	Về thông tin quảng cáo	Miễn 100% phí quảng cáo trên Đài Phát thanh và Truyền hình Ninh Bình, Báo Ninh Bình trong thời gian 03 năm với mỗi năm 04 đợt quảng cáo
3	Xúc tiến thương mại	50% chi phí tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước (đối với hội trợ ngoài nước mỗi năm 1 lần và mức tối đa 200 triệu/doanh nghiệp)
4	Hỗ trợ đổi mới khoa học công nghệ	
	- Đăng ký bảo hộ độc quyền sáng chế	5 triệu đồng/sáng chế, đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp 3 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp
	- Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu	02 triệu đồng/nhãn hiệu
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm hàng hoá đặc sản và hàng hoá xuất khẩu	15 triệu đồng/sản phẩm
	- Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu quốc tế	Hỗ trợ 50% chi phí không quá 15 triệu đồng/nhãn hiệu)

2. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân xúc tiến, môi giới được dự án

Tổ chức, cá nhân tích cực xúc tiến, môi giới kêu gọi được dự án đầu tư có hiệu quả được xét hỗ trợ với các mức như sau:

Stt	Tổng mức đầu tư của dự án	Mức hỗ trợ tối đa
1	Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng	50 triệu đồng
2	Từ 100 tỷ đồng đến dưới 250 tỷ đồng	100 triệu đồng
3	Từ 250 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng	150 triệu đồng
4	Từ 500 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	200 triệu đồng
5	Từ 1.000 tỷ đồng trở lên	300 triệu đồng

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Kinh phí để thực hiện các hỗ trợ

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí một khoản ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho các nhà đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định này chịu trách nhiệm đảm bảo đúng, đầy đủ các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ đã cam kết. Trường hợp dự án triển khai chậm tiến độ theo cam kết, bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư theo quy định, nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả mặt bằng sạch và toàn bộ các kinh phí ưu đãi, hỗ trợ đã được hưởng theo Quy định này cho tỉnh.

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các chính sách tại Quy định này trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm; đồng thời hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các nhà đầu tư được hưởng các chính sách tại Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc giải quyết các thủ tục liên quan đến đầu tư theo cơ chế "một cửa liên thông".

c) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này, đề xuất phương án giải quyết, định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các chính sách tại Quy định này trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm theo quy định; xét ưu đãi, hỗ trợ đầu tư;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn quy trình, hồ sơ, thủ tục và cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí ưu đãi, hỗ trợ thực hiện các chính sách tại Quy định này theo đúng quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính.

3. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Là cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn nhà đầu tư tìm hiểu và thực hiện dự án đầu tư vào các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định hiện hành.

c) Định kỳ hàng quý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) tình hình thực hiện và những vấn đề mới nảy sinh cần xử lý.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan trong việc hướng dẫn thực hiện các quy định, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, quản lý tài nguyên và môi trường liên quan đến hoạt động đầu tư, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, tài nguyên và môi trường, đảm bảo thuận lợi cho nhà đầu tư.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ đào tạo lao động, dạy nghề.

6. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ xúc tiến thương mại.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ đổi mới khoa học công nghệ.

8. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện ưu đãi về vốn, tín dụng.

9. Trung tâm tư vấn và xúc tiến đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm là cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục và triển khai thực hiện dự án đầu tư vào Ninh Bình ngoài các khu công nghiệp.

10. Các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Tư vấn và xúc tiến đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh giải quyết nhanh các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Giải quyết yêu cầu của các sở, ngành và kiến nghị của các nhà đầu tư có liên quan đến dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn.

b) Quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan kiểm tra, nắm tình hình và báo cáo kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn.

c) Phối hợp với nhà đầu tư và các sở, ngành có liên quan tiến hành các thủ tục về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ dự án.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Quy định nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Thắng